

UBND XÃ TUẦN GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1 TUẦN GIÁO

DANH SÁCH TRUY LĨNH NÂNG LƯƠNG, THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG ĐỢT I NĂM 2026

TT	Họ Và Tên	% thâm niên nghề	HSLC	HSL	Chênh lệch HS	Mức LCS	Thời gian	Số tháng	Lương chính	Thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên nghề	P.Cư dài 50%	Tổng	BHXH KPCĐ 10,5%	Tổng CK
1	Phan Thị Phương	23%	4,34	4,68	0,34	2.340.000	01/05/2026->31/07/2026	3	2.386.800		548.964	1.193.400	4.129.164	308.255	3.820.909
2	Phan Thị Nam	27%	5,02	5,36	0,34	2.340.000	01/03/2026->31/07/2026	5	3.978.000		1.074.060	1.989.000	7.041.060	530.466	6.510.594
3	Ngô Thị Dịu	14%	3,66	3,99	0,33	2.340.000	01/01/2026->31/07/2026	7	5.405.400		756.756	2.702.700	8.864.856	647.026	8.217.830
4	Bùi Thị Hà	26%	5,02	5,36	0,34	2.340.000	01/03/2026->31/07/2026	5	3.978.000		1.034.280	1.989.000	7.001.280	526.289	6.474.991
5	Nguyễn Phương Dung		3,46	3,66	0,20	2.340.000	01/01/2026->31/07/2026	7	3.276.000		-		3.276.000	343.980	2.932.020
6	Hoàng Thị Liên	30%	5,3286	5,3784	0,05	2.340.000	01/03/2026->31/07/2026	5		582.660	174.798	291.330	1.048.788	79.533	969.255
7	Nguyễn Văn Huy	37%	5,3301	5,379	0,0489	2.340.000	01/02/2026->31/07/2026	6		686.556	254.026	343.278	1.283.860	98.761	1.185.099
8	Đặng Kim Hải	27%	5,229	5,2788	0,04980	2.340.000	01/01/2026->31/07/2026	7		815.724	220.245	407.862	1.443.831	108.777	1.335.055
10	Vũ Thị Thanh Loan	31%	5,3286	5,3784	0,04980	2.340.000	01/01/2026->31/07/2026	7		815.724	252.874	407.862	1.476.460	112.203	1.364.258
Tổng		215%	42,716	44,4646	1,7483				19.024.200	2.900.664	4.316.004	9.324.432	35.565.300	2.755.291	32.810.009

Tuần Giáo; ngày 15 tháng 7 năm 2026

Kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh

Hiệu trưởng



Đặng Thị Hòa

UBND XÃ TUẦN GIÁO

TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1 TUẦN GIÁO

DANH SÁCH TRUY LĨNH PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ ĐỢT I NĂM 2026

Mức lương cơ sở 2.340.000đ

TT	Họ và tên	HSL	HSCV	% TN Cũ	% TN mới	Chênh lệch % tăng thêm	Thời gian tính	Số tiền tăng thêm 1 tháng	Số tháng	Tổng số tiền tăng thêm do nâng phụ cấp thâm niên nghề	Tổng cộng	Nộp BHXH 10,5%	Tổng CK
1	Phan Thị Phương	4,34		22%	23%	1%	01/04/2026 ->31/07/2026	101.556	4	406.224	406.224	42.654	363.570
2	Đàm Quang Giang	4,34		20%	21%	1%	01/03/2026 ->31/07/2026	101.556	5	507.780	507.780	53.317	454.463
3	Phan Thị Nam	5,36		27%	28%	1%	01/04/2026 ->31/07/2026	125.424	4	501.696	501.696	52.678	449.018
4	Quảng Thị Ngọc	4,65	0,20	22%	23%	1%	01/02/2026 ->28/02/2026	113.490	1	113.490	113.490	11.916	101.574
		4,68	0,20	22%	23%	1%	01/03/2026 ->31/07/2026	114.192	5	570.960	570.960	59.951	511.009
5	Đinh Thị Hậu	3,66		13%	14%	1%	01/02/2026 ->31/07/2026	85.644	6	513.864	513.864	53.956	459.908
6	Bùi Thị Mỹ	4,68		22%	23%	1%	01/03/2026 ->31/07/2026	109.512	5	547.560	547.560	57.494	490.066
7	Trần Anh Tuấn	4		18%	19%	1%	01/03/2026 ->31/07/2026	93.600	5	468.000	468.000	49.140	418.860
8	Nguyễn Thị Hằng	4,68	0,20	22%	23%	1%	01/02/2026 ->31/07/2026	114.192	6	685.152	685.152	71.941	613.211
9	Quảng Văn Cường	3		11%	12%	1%	01/02/2026 ->31/07/2026	70.200	6	421.200	421.200	44.226	376.974
Tổng cộng								959.166	47	4.735.926	4.735.926	497.272	4.238.654

Kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh

Tuần Giáo, ngày 15 tháng 07 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



★ Đặng Thị Hòa